

MST: 6400204746

Số: 111/KTTL

Đắk Nông, ngày 16 tháng 03 năm 2016

KẾ HOẠCH

SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

(Đã được phê duyệt tại Quyết định số 284/QĐ-KTTL ngày 29/2/2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Công văn số 794/UBND-TH ngày 03/3/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển khai thực hiện Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ;

Căn cứ quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 29/2/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch tưới nước, tiêu nước, cấp nước và kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông;

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông (Công ty) báo cáo về việc xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016 tại đơn vị, như sau:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2015

1. Tình hình chung

a. Thuận lợi

Chủ trương, chính sách củng cố, phát triển hạ tầng thủy lợi, nhất là chính sách miễn thu thủy lợi phí, bảo đảm an toàn hồ chứa, ứng phó biến đổi khí hậu tiếp tục được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm.

Đội ngũ cán bộ, công nhân viên, lao động phần lớn trẻ, năng động, có sức khỏe, tay nghề, trình độ, năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Sự đoàn kết, thống nhất cao trong tổ chức Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể trong việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

b. Khó khăn

Thời tiết trong năm 2015 diễn biến bất lợi: Các tháng đầu năm, nắng nóng khô hạn kéo dài một số công trình cạn kiệt nguồn nước; mùa mưa năm 2015 đến muộn và kết thúc sớm, lượng mưa thấp hơn nhiều so với trung bình nhiều năm trước đây; thời điểm cuối năm, do chịu tác động của El Niño, thời tiết khô hanh, không mưa kéo dài, trữ lượng nước các sông, suối, hồ đập có xu hướng giảm nhanh ngay từ đầu thời vụ sản xuất Đông Xuân 2014 - 2015.

Do đặc điểm địa hình, địa chất, tính chất đầu tư thủy lợi trước đây chưa hoàn chỉnh, hệ thống kênh mương các công trình thủy lợi thường xuyên bị bồi lấp, tắc nghẽn dòng chảy. Hệ thống các thiết bị đóng mở, vận hành bị hư hỏng nhiều và gặp nhiều khó khăn trong công tác sửa chữa, khắc phục và thay thế. Thêm vào đó, nhu cầu tưới từ các công trình thủy lợi vượt năng lực thiết kế, cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ thường xuyên biến động.



Chi phí đầu tư sửa chữa lớn, sửa chữa cấp bách, sửa chữa thường xuyên hệ thống công trình thủy lợi chiếm tỷ trọng lớn. Đồng thời với đó là tập trung nhiều về nhân lực cho nhiệm vụ triển khai công tác đầu tư.

Các nguồn vốn huy động đầu tư sửa chữa lớn, sửa chữa cấp bách, bổ sung có mục tiêu phòng, chống hạn hán, kiên cố hóa kênh mương... thường bố trí chậm, song yêu cầu tiến độ giải ngân các dự án trong thời gian ngắn. Trong khi năng lực của một số nhà thầu còn nhiều hạn chế, công tác quyết toán dự án hoàn thành còn gặp nhiều khó khăn.

Điều kiện làm việc của các đơn vị trực thuộc còn rất nhiều khó khăn, còn phải mượn hoặc thuê trụ sở làm việc, với không gian làm việc chật hẹp, cơ sở hạ tầng và thiết bị còn thiếu.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2015

a. Công tác quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi

Trong năm 2015, Công ty tiếp nhận quản lý thêm 03 công trình, trong đó có 02 công trình nhận bàn giao từ UBND các huyện; 01 công trình do đầu tư xây dựng mới. Tổng số công trình Công ty quản lý, khai thác đến thời điểm 31/12/2015 là: 191 công trình gồm 163 hồ chứa, 17 đập dâng, 05 hệ thống trạm bơm và 06 hệ thống kênh tiêu.

Công tác quản lý vận hành, bảo vệ công trình và điều tiết nước tưới tiêu phục vụ sản xuất cho người dân đã được Công ty hết sức chú trọng và đặt lên vị trí hàng đầu. Các chi nhánh trực thuộc Công ty thường xuyên kiểm tra báo cáo tình hình mực nước các hồ chứa lập kế hoạch phòng chống hạn hán, lụt bão từ đầu mùa vụ. Thường xuyên tổ chức phát dọn, nạo vét, sửa chữa thiết bị vận hành công trình xử lý kịp thời rò rỉ gây thất thoát nguồn nước, khơi thông dòng chảy; thực hiện các biện pháp tưới tiết kiệm nước ngay từ đầu mùa vụ.

Năm 2015, không có trường hợp khiếu nại của các hộ dùng nước nào vượt cấp. Các khiếu nại của địa phương được các đơn vị kiểm tra, rà soát quy trình để phối hợp trả lời, khắc phục kịp thời.

b. Kết quả sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Chỉ tiêu sản phẩm công ích (Diện tích tưới, tiêu, cấp nước)	ha	36.502,49	36.502,49	
-	Lúa nước	ha	8.370,54	8.370,54	
-	Cây CN dài ngày, ăn quả, dược liệu	ha	24.750,36	24.750,36	
-	Mạ, rau màu, CN ngắn ngày	ha	3.152,33	3.152,33	
-	Nuôi trồng thủy sản	ha	229,27	229,27	
2	Doanh thu	Triệu đ	23.472	59.152,3	
-	Doanh thu cấp bù miễn thủy lợi phí thực cấp trong năm	Triệu đ	23.352	37.151	
-	Doanh thu xây dựng	Triệu đ		21.879,92	
-	Doanh thu tài chính	Triệu đ	100	100,47	
-	Doanh thu khác	Triệu đ	20	20,91	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	0	181,67	
4	Nộp NSNN	Triệu đ	857,95	937,25	
5	Tổng số vốn đầu tư	Triệu đ		8.500	

Nhìn chung, năm 2015 Công ty đã thực hiện hoàn thành và vượt so với các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra. Cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu sản phẩm dịch vụ công ích: hoàn thành 100% kế hoạch, tăng 0,61% so với năm 2014;
- Doanh thu thực hiện bằng 252% so với kế hoạch, tăng 136% so với năm 2014;
- Lợi nhuận trước thuế: 181,67 triệu đồng vượt xa so với kế hoạch 2015 và thực hiện năm 2014;
- Nộp NSNN bằng 109,25% so với kế hoạch, tăng 353,48% so với năm 2014.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2015 tăng mạnh so với kế hoạch là do trong năm 2015, xí nghiệp xây dựng công trình trực thuộc Công ty thực hiện thi công xây dựng các công trình thủy lợi bằng nguồn vốn hỗ trợ từ NSNN, từ đó làm tăng doanh thu, lợi nhuận trước thuế và các khoản nộp NSNN.

Năm 2015, Công ty nhận vốn đầu tư từ NSNN thực hiện đầu tư xây dựng, sửa chữa 02 công trình với tổng vốn đầu tư là 8.5 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty sử dụng nguồn vốn hỗ trợ cho các doanh nghiệp hoạt động công ích hàng năm để thực hiện sửa chữa cải tạo nhà công vụ Sở Tài chính làm trụ sở chính của Công ty, đồng thời thực hiện đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc cho chi nhánh huyện Tuy Đức với tổng giá trị: 673,94 triệu đồng.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

a. Công tác quản lý bảo vệ công trình thủy lợi

- Phân công người lao động trong Công ty trực ban phòng chống lụt bão; thường xuyên kiểm tra công trình đặc biệt là trước và sau các trận mưa lớn nhằm phát hiện xử lý kịp thời các sự cố do mưa lũ gây ra;

- Đẩy mạnh tiến độ thi công sửa chữa các công trình đảm bảo dự án hoàn thành trước mùa mưa lũ. Tổ chức nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy, thực hiện các phương án tích xả nước hợp lý đối với các hồ chứa có van điều tiết;

- Lên phương án xử lý bè mảng cỏ trong lòng hồ chứa; xây dựng các phương án phòng chống hạn: đắp các đập tạm dâng nước, đắp bao tải trước ngưỡng tràn tăng dung tích hồ chứa đảm bảo đủ nước tưới cuối mùa vụ;

- Triển khai công tác duy tu bảo dưỡng các thiết bị vận hành, nạo vét bồi lấp kênh mương cửa vào cống lấy nước đầu mối;

b. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016

- Kế hoạch cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích: 38.435,63 ha. Trong đó:

+ Lúa nước: 8.437,77ha

+ Cây CN dài ngày, cây ăn quả, dược liệu: 26.730,03 ha

+ Cây CN ngắn ngày, mậ rau màu: 3.057,13 ha

+ Nuôi trồng thủy sản: 210,7 ha.



Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016 (Theo Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 29/2/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông - Có quyết định kèm theo)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Chỉ tiêu sản phẩm dịch vụ công ích	Ha	38.435,63	
	Diện tích cấp nước	Ha	210,7	
	Diện tích tưới nước	Ha	36.037,66	
	Diện tích tiêu nước	Ha	2.187,27	
2	Doanh thu	Tr.đồng	37.410,159	
	Doanh thu cấp bù miễn thủy lợi phí	Tr.đồng	37.290,159	
	Doanh thu kinh doanh khai thác tổng hợp	Tr.đồng	20	
	Doanh thu khác	Tr.đồng	100	
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	30	
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	172	

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Thực hiện đầu tư sửa chữa, kiên cố hóa các công trình thủy lợi 37 dự án với tổng dự toán được duyệt là 24,33 tỷ từ nguồn cấp bù miễn thu thủy lợi phí năm 2013, 2014, 2015 (Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 và Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông)

- Tiếp tục huy động các nguồn kinh phí khác ngoài nguồn cấp bù thủy lợi phí để thực hiện đầu tư nâng cấp, hoàn thiện, xây dựng mới hệ thống các công trình thủy lợi;

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về tài chính

- Thực hiện cơ chế khoán chi phí đối với các đơn vị trực thuộc theo định mức kinh tế kỹ thuật được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt;

- Tận dụng huy động các nguồn vốn từ NSNN và các nguồn vốn khác thực hiện đầu tư sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi do Công ty quản lý;

- Hoàn thiện quy chế quản lý nợ, trích lập dự phòng đối với các khoản nợ xấu không có khả năng thu hồi theo quy định của Nhà nước;

- Lập kế hoạch thu chi, cân đối dòng tiền đảm bảo chủ động hiệu quả và tránh được những rủi ro bất trắc;

- Sửa đổi bổ sung các quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước

2. Giải pháp về sản xuất

- Tiếp tục đề xuất, tham mưu UBND tỉnh thực hiện bàn giao các CTTL trên địa bàn tỉnh về Công ty thực hiện quản lý khai thác;

- Thực hiện sửa chữa, cải tạo, thay thế thiết bị vận hành công trình đảm bảo nước tưới cho sản xuất nông nghiệp của người dân trên địa bàn tỉnh;

- Phối kết hợp với các đơn vị có liên quan để xây dựng kế hoạch tưới một cách hợp lý không để tình trạng hạn hán hay úng lụt xảy ra; Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân hạn chế xâm hại các công trình thủy lợi, tích cực tham gia quản lý bảo vệ công trình;

- Triển khai áp dụng quy trình vận hành công trình thủy lợi do Trung tâm tư vấn chuyên giao công nghệ thủy lợi xây dựng và được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt

- Phát triển mô hình cho thuê mặt thoáng các hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, mở rộng cấp nước cho sản xuất ngoài sản xuất nông nghiệp;

- Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty: cung ứng dịch vụ tưới, tiêu, cấp nước. Bên cạnh đó mở rộng hoạt động các dịch vụ khác: dịch vụ du lịch, dịch vụ tư vấn, quản lý dự án.

3. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Triển khai áp dụng hệ thống thang lương bảng lương do Công ty xây dựng và đăng ký với Sở Lao động thương binh xã hội, thực hiện trả lương theo vị trí chức danh công việc;

- Hoàn thiện quy chế lương, thưởng, phúc lợi dựa trên nguyên tắc công bằng, công khai căn cứ vào năng lực thực tế và kết quả hoàn thành công việc để có chế độ đãi ngộ thích hợp;

- Thường xuyên rà soát đánh giá kết quả thực hiện công việc của người lao động để có cơ chế luân chuyển vị trí công tác đảm bảo thích hợp và đạt hiệu quả cao nhất;

- Xây dựng hệ thống thang điểm đánh giá hiệu quả công việc của từng Phòng, Ban, Chi nhánh, người lao động;

4. Giải pháp về quản lý điều hành

- Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống điều hành công việc thông qua trang mạng của Công ty;

- Điều chỉnh điều lệ Công ty theo quy định tại Nghị định 19/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ;

- Hoàn thiện các nội quy, quy chế hoạt động quản lý, kiểm tra giám sát nội bộ của Công ty

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016 tại Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Đắk Nông./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc;
- Kiểm soát viên;
- Lưu: VT, KHTC.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trịnh Văn Tường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 284 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 29 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch tưới nước, tiêu nước, cấp nước và
kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty TNHH MTV
Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;



Căn cứ Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt diện tích tưới nước, tiêu nước, cấp nước được miễn thủy lợi phí năm 2016 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 28/TTr-STC ngày 02 tháng 02 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch tưới nước, tiêu nước, cấp nước và kế hoạch tài chính năm 2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông với các nội dung như sau:

1. Tổng diện tích tưới nước, tiêu nước, cấp nước năm 2016: 38.435,63 ha, trong đó:

- Diện tích cấp nước: 210,7 ha.
- Diện tích tưới nước: 36.037,66 ha.
- Diện tích tiêu nước: 2.187,27 ha.

2. Kế hoạch tài chính:

a) Kế hoạch doanh thu năm 2016: 37.410.159.000 đồng, trong đó:

- Doanh thu dịch vụ tưới, tiêu, cấp nước: 37.290.159.000 đồng.
- Doanh thu kinh doanh, khai thác tổng hợp: 20.000.000 đồng.
- Doanh thu khác: 100.000.000 đồng.

b) Kế hoạch chi: 37.380.159.000 đồng (trong đó nộp ngân sách nhà nước là 172.000.000 đồng).

c) Cân đối thu - chi (lãi): 30.000.000 đồng.

3. Kế hoạch ngân sách cấp (theo Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016): 29.574.000.000 đồng.

Kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí còn thiếu so với kế hoạch thực hiện tưới nước, tiêu nước, cấp nước là: 7.716.159.000 đồng (37.290.159.000 đồng - 29.574.000.000 đồng).

(Có phụ lục chi tiết đính kèm).

Điều 2:

1. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông căn cứ dự toán được giao, chủ động thực hiện việc tưới nước, tiêu nước, cấp nước cho phù hợp; đồng thời có trách nhiệm khai thác, cung ứng thủy lợi và thực hiện kế hoạch thu, chi thủy lợi phí; thực hiện chế độ báo cáo và quyết toán theo quy

định hiện hành. Riêng việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi thực hiện theo đúng trình tự về quản lý đầu tư, xây dựng.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương có liên quan cấp bổ sung khoản kinh phí còn thiếu theo kế hoạch năm 2016.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *me*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, KTTC (Tr).

AT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Bôn



PHỤ LỤC:

**KẾ HOẠCH TƯỚI NƯỚC, TIÊU NƯỚC, CẤP NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2016
CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Quyết định số 284 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch 2016	Ghi chú
I	Kế hoạch cấp nước, tưới nước, tiêu nước		36.502,49	36.502,49	38.435,63	
1	Diện tích cấp nước	ha (m ³)	229,27	229,27	210,70	
2	Diện tích tưới nước	ha (m ³)	34.064,10	34.064,10	36.037,66	
3	Diện tích tiêu nước	ha (m ³)	2.209,12	2.209,12	2.187,27	
4	Diện tích tưới, tiêu kết hợp	ha (m ³)				
5	Diện tích khác	ha (m ³)				
II	Kế hoạch doanh thu		35.779.279	35.779.279	37.410.159	
1	Cấp bù do miễn thủy lợi phí	1.000 đồng	35.659.279	35.659.279	37.290.159	
2	Thu thủy lợi phí của các đối tượng không miễn thu thủy lợi phí	1.000 đồng				
3	Thu kinh doanh khai thác tổng hợp	1.000 đồng	20.000	20.000	20.000	
4	Thu khác	1.000 đồng	100.000	100.000	100.000	
III	Kế hoạch chi		35.779.279	35.779.279	37.380.159	
1	Chi cho hoạt động khai thác công trình thủy lợi	1.000 đồng	35.779.279	35.779.279	37.290.159	
	Trong đó: Chi duy tu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên	1.000 đồng	11.574.550	11.574.550	12.210.549	
2	Chi kinh doanh khai thác tổng hợp	1.000 đồng	-	-	-	
3	Chi khác	1.000 đồng	-	-	90.000	
IV	Cân đối thu chi lãi (lỗ)		-	-	30.000	
1	Lãi (lỗ) khai thác công trình thủy lợi	1.000 đồng	(120.000)	(120.000)	-	
2	Lãi (lỗ) kinh doanh tổng hợp	1.000 đồng	120.000	120.000	30.000	



STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch 2016	Ghi chú
V	Chi đầu tư sửa chữa lớn	1.000 đồng	2.682.819	2.682.819	-	
	- Chi sửa chữa từ nguồn thu của công ty	1.000 đồng	2.682.819	2.682.819	-	
	- Chi SCL ngân sách nhà nước cấp	1.000 đồng				
VI	Kế hoạch ngân sách cấp hỗ trợ		23.352.000	35.151.000	37.290.159	
1	Nội dung hỗ trợ	1.000 đồng				
1.1	Cấp bù do miễn thủy lợi phí	1.000 đồng	23.352.000	35.151.000	37.290.159	
1.2	Cấp kinh phí trợ cấp tài chính	1.000 đồng				
1.3	Cấp 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.000 đồng				
1.4	Cấp đầu tư, sửa chữa lớn	1.000 đồng				
1.5	Cấp khoản hỗ trợ khác	1.000 đồng				
2	Nguồn hỗ trợ	1.000 đồng	23.352.000	35.151.000	37.290.159	
2.1	Ngân sách Trung ương	1.000 đồng	23.352.000	35.151.000	29.574.000	
2.2	Kinh phí còn thiếu so với kế hoạch đề nghị TW bổ sung	1.000 đồng	12.307.279	508.279	7.716.159	
2.3	Ngân sách địa phương	1.000 đồng				
VII	Kế hoạch nộp ngân sách		857.951	857.951	172.000	
1	Nộp tiền thuê đất	1.000 đồng	2.114	2.114	2.114	
2	Nộp thuế GTGT	1.000 đồng	802.323	802.323	104.886	
3	Nộp khác (thuế TNCN, thuế môn bài)	1.000 đồng	53.514	53.514	65.000	
VIII	Kế hoạch lao động, tiền lương					
1	Số lao động	người	154	154	184	
2	Quỹ tiền lương	1.000 đồng	10.696.900	10.696.900	12.602.891	